

v/v: Ý kiến tham gia vào dự thảo
Thông tư hướng dẫn việc trích lập
và xử lý các khoản dự phòng

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Ngày 25/05/2017, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) nhận được công văn số 5001/BTC-TCDN ngày 18/04/2017 của Bộ Tài chính về việc đề nghị VACPA cho ý kiến tham gia vào dự thảo Thông tư thay thế các Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư sửa đổi, bổ sung số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011, Thông tư sửa đổi, bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (sau đây gọi là “Dự thảo Thông tư”). Sau khi nghiên cứu, VACPA có một số ý kiến và đề xuất về Dự thảo Thông tư dưới đây:

1. Về Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Khoản 1, Điều 1

Khoản 1, Điều 1 của Dự thảo Thông tư quy định: “*Thông tư này hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tồn thất các khoản đầu tư, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp khi lập báo cáo tài chính làm cơ sở xác định khoản chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định*”.

Tuy nhiên, Khoản 1, Điều 3 của Dự thảo Thông tư quy định “*Các khoản dự phòng quy định tại Thông tư này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo để bù đắp tồn thất có thể xảy ra trong kỳ báo cáo sau; đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản đầu tư không cao hơn giá cả trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính*”. Theo đó, các doanh nghiệp có thể hiểu rằng Thông tư này có thể được áp dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo VACPA, Dự thảo Thông tư cần làm rõ phạm vi điều chỉnh có áp dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hay không, nhằm tránh hiểu nhầm cho các đối tượng áp dụng.

Mặt khác, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, mức trích dự phòng được thực hiện theo quy định hiện hành, hiện tại là Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nếu Thông tư mới không áp dụng cho mục đích kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính, Bộ Tài chính cần đồng thời ban hành văn bản riêng hướng dẫn về trích lập dự phòng cho mục đích kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Khoản 2, Điều 1

Khoản 2 Điều 1 của Dự thảo Thông tư quy định “*Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng là các tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động sản xuất, kinh doanh, có phát sinh thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam*”. Dự thảo không có điều khoản ngoại trừ cho việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của tổ chức tín dụng.

Hiện tại, theo các quy định hiện hành, các tổ chức tín dụng phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước (“Thông tư 02”) quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước (“Thông tư 09”) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02. Chúng tôi hiểu rằng, các tổ chức tín dụng đã xây dựng hệ thống và quy trình phù hợp phục vụ cho việc thu thập thông tin và tính toán dự phòng theo Thông tư 02 và Thông tư 09. Do đó, sẽ rất khó khăn cho các tổ chức tín dụng nếu áp dụng Dự thảo này để xác định mức trích dự phòng, đặc biệt là các tổ chức tín dụng đang áp dụng phương pháp định tính theo Điều 11 Thông tư 02 khi phân loại nợ và cam kết ngoại bảng.

Vì vậy, theo ý kiến của chúng tôi, nên đưa ra quy định không áp dụng Thông tư này đối với dự phòng rủi ro tín dụng của các tổ chức tín dụng (theo đó sửa đổi tương ứng Khoản 3, Điều 8. Hiệu lực thi hành).

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 có thể hiểu nếu các tổ chức kinh tế chưa phát sinh thu nhập chịu thuế thì sẽ không áp dụng Thông tư này. Theo đó, dự thảo Thông tư nên viết rõ ràng hơn nội dung này để hiểu đúng đối tượng áp dụng.

2. Về Điều 2. Giải thích từ ngữ

a. Khoản 1, Điều 2

Khoản 1, Điều 2 của Dự thảo Thông tư giải thích: “*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị dự kiến giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho*”. Theo VACPA, Dự thảo Thông tư nên sửa lại thành “*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của hàng tồn kho*”.

b. Khoản 2, Điều 2

Khoản 2, Điều 2 của Dự thảo Thông tư giải thích: “*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ, dự phòng tổn thất có thể xảy ra do tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật nhận vốn góp đầu tư đang bị lỗ dẫn đến doanh nghiệp có góp vốn có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị khoản đầu tư của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế nhận vốn góp*”.

Theo VACPA, Dự thảo Thông tư nên làm rõ “*khoản dự phòng do suy giảm giá trị khoản đầu tư của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế nhận vốn góp*” có khác biệt gì với “*dự phòng tổn thất có thể xảy ra do tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật nhận vốn góp đầu tư đang bị lỗ dẫn đến doanh nghiệp có góp vốn có khả năng mất vốn*”.

Đồng thời, Dự thảo Thông tư cũng cần hướng dẫn để làm rõ trường hợp: Nếu tại thời điểm cuối năm, doanh nghiệp đầu tư vào một đơn vị khác và đơn vị nhận đầu tư

dang bị lỗ do mới thành lập, di vào hoạt động. Khi đó, có phải trích lập dự phòng trên BCTC của doanh nghiệp di đầu tư hay không? Ngoài ra, có những doanh nghiệp nhận đầu tư đang có lãi nhưng Mã số 410 vẫn âm do lỗ lũy kế từ các năm trước. Khi đó, cũng cần phải xem xét lập dự phòng thế nào? Cần phải làm rõ những vấn đề này. Có nên áp dụng "dẫn đến doanh nghiệp có góp vốn có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị khoản đầu tư của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế nhận vốn góp" cho cả đơn vị nhận đầu tư đang kinh doanh lỗ và lãi.

3. Về Điều 3. Nguyên tắc chung cho trích lập các khoản dự phòng

a. Khoản 2, Điều 3

Khoản 2, Điều 3 của Dự thảo thông tư quy định: "*Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo năm theo chế độ kế toán hiện hành*".

Nếu Thông tư này hoàn toàn chỉ có mục đích quy định cơ sở xác định khoán chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như nêu tại Khoản 1, Điều 1, thì quy định trên là phù hợp. Tuy nhiên, nếu áp dụng để trích lập dự phòng cho mục đích lập báo cáo tài chính thì chưa phù hợp. Đối với một số loại hình doanh nghiệp (như doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức niêm yết), theo các quy định pháp luật hiện hành thì bên cạnh báo cáo tài chính năm, các doanh nghiệp này còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vì vậy, nếu phạm vi áp dụng bao gồm việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chúng tôi đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 3 của Dự thảo thành: "*Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán hiện hành*".

Ngoài ra, Dự thảo thông tư nên quy định doanh nghiệp trích lập dự phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính (quý, năm, giữa kỳ) vì sẽ đảm bảo nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hàng quý ổn định hơn, tránh biến động lớn vào cuối năm.

b. Khoản 3, Điều 3

Khoản 3, Điều 3 của Dự thảo thông tư quy định: "*Những doanh nghiệp vi phạm việc trích lập dự phòng quy định tại Thông tư này sẽ bị xử phạt như hành vi trốn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành*". Theo VACPA, việc quy định xử phạt như hành vi trốn thuế cần cân nhắc thêm các quy định pháp luật về quản lý thuế, cụ thể là trường hợp các doanh nghiệp không tuân thủ quy định tại thông tư này do hạn chế về thông tin hoặc các lỗi không cố ý khác thì có nên quy là hành vi trốn thuế hay không.

4. Điều 4. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a. Khoản 1, Điều 4

Khoản 1, Điều 4 của Dự thảo thông tư đã quy định đối tượng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tuy nhiên, VACPA đề nghị Dự thảo thông tư cần làm rõ đối với khoản mục hàng tồn kho trên báo cáo chi phí của các lô dầu khí hoạt động theo Hợp đồng dầu khí/Hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí thì có bị chi phối bởi thông tư này không.

Ngoài ra, Dự thảo thông tư nên quy định rõ việc không trích lập dự phòng cho nguyên vật liệu, dụng cụ nếu thành phẩm do các nguyên vật liệu, dụng cụ này tạo ra không bị giảm giá, vẫn dễ dàng được quy định rõ trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho.

b. Khoản 2, Điều 4

Theo VACPA, Khoản 2, Điều 4 của Dự thảo thông tư quy định công thức tính mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần quy định rõ hơn (1) Cách xác định giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường và quy định rõ việc xác định này là tại thời điểm lập báo cáo tài chính; (2) Cách xác định chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng và có thể đưa ra một số ví dụ cụ thể.

5. Điều 5. Dự phòng tồn thất các khoản đầu tư

a. Khoản 1, Điều 5

Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Dự thảo thông tư quy định về đối tượng lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cần bổ sung thêm: “Quy định này không áp dụng cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.” để phù hợp với Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Ngoài ra, tại điểm này của Dự thảo thông tư cần làm rõ trường hợp đầu tư dài hạn vào công ty niêm yết như đầu tư vào công ty con/công ty liên kết là công ty niêm yết thì có áp dụng quy định tại Khoản 1, Điều 5 này hay không và việc trích lập dự phòng sẽ theo giá niêm yết hay theo báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

Điểm b, Khoản 1, Điều 5 của Dự thảo thông tư quy định: “*Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này*”. Tuy nhiên, hướng dẫn về mức trích dự phòng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 chỉ phù hợp với cổ phiếu, không phù hợp cho tất cả các loại đầu tư chứng khoán khác chưa niêm yết chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ví dụ như đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết. Vì vậy, đề nghị Dự thảo thông tư cần bổ sung các quy định về trích dự phòng cho các loại đầu tư chứng khoán chưa niêm yết khác ngoài cổ phiếu.

b. Khoản 2, Điều 5

Điểm a, Khoản 2, Điều 5 của Dự thảo thông tư quy định: “*Đối tượng là các khoản doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế khác (trong và ngoài nước) theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các khoản đầu tư chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp*”. VACPA đề nghị sửa thành: “Đối tượng: là các khoản doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế khác (trong và ngoài nước) theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các khoản đầu tư chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế đó bị suy giảm giá trị so với giá trị đầu tư trên sổ kế toán của doanh nghiệp”.

Đồng thời, tại điểm này, Thông tư cần đưa ra các hướng dẫn cụ thể về các điều kiện cho thấy khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế đó bị suy giảm, ví dụ như doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ, hay gặp khó khăn về tài chính, ... Chúng tôi đề nghị tham khảo các quy định của Chuẩn mực kế toán quốc tế về vấn đề này để đưa ra hướng dẫn phù hợp cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Điểm này của Dự thảo thông tư không nói đến việc lỗ kế hoạch thì không được trích lập dự phòng, tuy nhiên Dự thảo thông tư cần xem xét thêm trường hợp doanh nghiệp mua một công ty bị lỗ từ trước thì dự phòng áp dụng thế nào và số lỗ trước khi mua công ty có được tính hết vào chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp không.

Điểm b, Khoản 2, Điều 5 của Dự thảo thông tư quy định: “*Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn, doanh nghiệp góp vốn xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư*”. Quy định này không nhất quán với quy định tại Thông tư 200, là đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Vì vậy cần làm rõ thêm việc Thông tư mới có phủ định quy định trên của Thông tư 200 hay không (cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp hay cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính).

Đồng thời, tại Điểm b này của Dự thảo thông tư quy định “*Trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm thì doanh nghiệp không thực hiện trích dự phòng cho khoản đầu tư này*”, VACPA đề nghị sửa đổi thành: “*Trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm, thì doanh nghiệp cần căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất đã được lập để xác định mức trích lập dự phòng*”. Việc quy định như Dự thảo có thể dẫn đến việc doanh nghiệp yêu cầu bên nhận góp vốn không lập báo cáo tài chính để không phải trích lập dự phòng. Ngoài ra, cuối năm tài chính, nhiều doanh nghiệp chưa nhận được báo cáo tài chính của các tổ chức kinh tế nhận góp vốn cùng kỳ thời.

Cũng tại Điểm b này của Dự thảo, cần hướng dẫn cho trường hợp nếu mua lại cổ phần, khoản đầu tư cao hơn giá trị ghi sổ. Thực tiễn một số khoản đầu tư bằng hình thức mua lại sau khi có định giá, hoặc đàm phán mua do tính đến các yếu tố như chi phí thành lập, đầu tư ban đầu,... sẽ có giá mua cao hơn giá trị ghi sổ, khi đó việc lập dự phòng tồn thắt các khoản đầu tư ngay khi vừa đầu tư có phù hợp không.

6. Điều 6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

a. Khoản 1, Điều 6

Theo Khoản 1 Điều 6 của Dự thảo thông tư, căn cứ để xác định khoản nợ khó đòi là nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán và “*doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý như đổi chiếu xác nhận, đòn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được*”. Theo VACPA, nếu Thông tư áp dụng đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính thì cần bỏ ý này, để tránh trường hợp các doanh nghiệp cho rằng trong trường hợp khoản nợ đã được gia hạn thì các biện pháp này không phải áp dụng và do đó tránh không phải trích lập dự phòng trong trường hợp mà việc lập dự phòng là cần thiết.

Tại điểm này, Dự thảo thông tư cần quy định rõ đối với doanh nghiệp viễn thông và đặc thù khác thì có cần xác nhận không (vì doanh nghiệp Viễn thông sẽ không thể xác nhận cho những khách hàng cá nhân).

Ngoài ra, Dự thảo thông tư cần quy định thực tế hơn đối với các đối tượng phải thu đã giải thể, phá sản, mất tích, bỏ trốn, truy tố của pháp luật, giam giữ, đang thi hành án hoặc đã chết vì các trường hợp này không thể có đổi chiếu xác nhận được (do không còn tồn tại hoặc không biết ở đâu). Hơn nữa, Dự thảo thông tư nên bỏ yêu cầu phải có đổi chiếu xác nhận của khách hàng nợ vì các khách hàng nợ quá hạn thanh toán thường không xác nhận và không muốn xác nhận, do họ không muốn có cơ sở để đòi nợ.

b. Khoản 2, Điều 6

Khoản 2, Điều 6 quy định mức trích lập cụ thể cho các khách nợ là khách hàng cá nhân của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông. Điều này có thể làm phát sinh câu hỏi từ các đối tượng áp dụng là vì sao có nhiều doanh nghiệp có đặc thù kinh doanh tương tự như kinh doanh điện, nước, truyền hình cáp..., nhưng Thông tư chỉ đưa hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông. Vì vậy, theo VACPA, Bộ Tài chính nên đưa nội dung này vào một hướng dẫn riêng, hoặc bổ sung các quy định tương tự cho một số ngành nghề đặc thù khác.

Đối với các doanh nghiệp xây dựng, việc xác định nợ quá hạn là rất khó vì có thể phải tính đến thời gian bảo hành, hoặc tình hình giải ngân quyết toán công trình. Thực tế hiện nay, các chủ đầu tư (của các dự án, công trình sử dụng vốn nhà nước) còn tồn đọng nợ các doanh nghiệp xây dựng rất nhiều và quá hạn thanh toán. Như vậy, theo quy định của Dự thảo thông tư thì doanh nghiệp xây dựng phải lập dự phòng, tuy nhiên các khoản nợ này xét về bản chất là có thể thu hồi được (nhưng quá hạn) sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp. Do đó, nếu trong Dự thảo thông tư có hướng dẫn cho các lĩnh vực đặc thù thì cũng nên có quy định cụ thể hơn cho việc xác định tuổi nợ và trích lập dự phòng trong doanh nghiệp xây dựng.

Ngoài ra, Dự thảo nêu quy định xem đối với trường hợp cho vay margin của công ty Chứng khoán thì có thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này không.

c. Khoản 4, Điều 6

Điểm 6, Khoản 4, Điều 6, Dự thảo thông tư quy định các tài liệu để chứng minh khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi: “*Đối với những khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, mà khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục từ 03 năm trở lên, doanh nghiệp đã áp dụng nhiều giải pháp nhưng không thu hồi được thì doanh nghiệp phải đưa ra các bằng chứng như: Biên bản đối chiếu công nợ với khách nợ, công văn đòi nợ, báo cáo tài chính 03 năm liên tiếp gần nhất đã được kiểm toán, công văn đề nghị Tòa án thực hiện phán quyết theo luật định*”. Việc quy định thu thập báo cáo tài chính 03 năm liên tiếp gần nhất đã được kiểm toán là không phù hợp với thực tế do: (1) Luật kiểm toán độc lập chỉ quy định một số đối tượng bắt buộc kiểm toán (không phải đơn vị nào cũng phải kiểm toán); (2) Doanh nghiệp không chủ động được việc này do khách nợ không cung cấp báo cáo tài chính.

Ngoài ra, tại Khoản này của Dự thảo cần hướng dẫn rõ hơn cơ sở chứng minh lỗ 3 năm liên tiếp là gì.

7. Điều 7. Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Theo Khoản 2 Điều 7 của Dự thảo, “*Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% tổng doanh thu tiêu thụ đối với các sản phẩm, hàng hóa và không quá 5% trên giá trị hợp đồng đối với các công trình xây dựng*”. Theo VACPA, Dự thảo cần làm rõ “tổng mức trích lập dự phòng” ở đây là số dự phòng cần phải trích tại thời điểm báo cáo tài chính, hay là tổng số chi phí dự phòng cần phải trích lập trong năm tài chính đó.

Đồng thời, Dự thảo thông tư cần có quy định rõ ràng về cơ sở của ước tính số tiền dự phòng bảo hành (báo giá của nhà thầu, ước tính của chuyên gia về vật liệu tiêu hao, giờ công,...cho 1 sản phẩm/hàng hóa, phê duyệt của Ban Giám đốc về số tiền dự phòng) để đảm bảo tính hợp lý của số dự phòng trích lập.

Ngoài ra, Dự thảo Thông tư cần bổ sung quy định về Dự phòng tái cơ cấu và Dự phòng phải trả khác (khoản dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật, khoản dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó). Các chi phí này phát sinh phổ biến ở các doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18.

8. Điều 8. Hiệu lực thi hành

Theo VACPA, Bộ Tài chính cần bổ sung về điều khoản chuyển tiếp, quy định rõ đối với tài sản hiện tại (mua hoặc phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực) thì sẽ áp dụng Thông tư này hay các thông tư mà Thông tư này thay thế. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến trường hợp các khoản phải thu khó đòi có phát sinh các thỏa thuận bổ sung về gia hạn nợ phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, sẽ phải áp dụng theo kỳ hạn trả nợ gốc theo Thông tư này hay theo kỳ hạn trả nợ đã gia hạn theo các thông tư cũ.

Tại Khoản 1, Điều này, Dự thảo thông tư nên sửa thành: “*Thông tư này có hiệu lực từ ngày .. tháng ... năm 2017 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2018*” vì kỳ kế toán năm (và cũng là kỳ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp) của doanh nghiệp có thể bắt đầu từ 1/1 hoặc sau 1/1 theo quy định của Luật Kế toán và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

VACPA mong muốn được tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan trong thời gian tới.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP VACPA HN (Ng)

**T/M BCH HỘI KTV HÀNH NGHỀ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH**



PHẠM SỸ DANH

